

Số: /QĐ-BVHTTDL

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ
trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Căn cứ Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 08 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ 08 thủ tục hành chính cấp Trung ương đã công bố tại các Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022, Quyết định số 3955/QĐ-BVHTTDL ngày 09/12/2024; Quyết định số 682/QĐ-BVHTTDL ngày 14/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (*danh mục chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (*để báo cáo*);
- Các Thứ trưởng;
- UBND các tỉnh/TP trực thuộc TW;
- Sở VH-TTDL/VHTT;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Trung tâm Chuyển đổi số VHTTDL;
- Lưu: VT, VP (HC), Tài (100).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Tạ Quang Đông

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH VÀ BỊ BÃI BỎ TRONG
MỘT SỐ LĨNH VỰC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVHTTDL ngày tháng 11 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính mới ban hành

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định	Lĩnh vực	Cơ quan có thẩm quyền
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG			
1	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản đặc san đối với cơ quan, tổ chức ở Trung ương	- Luật Báo chí 2016 - Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT	Báo chí	Cục Báo chí
2	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung trong giấy phép xuất bản đặc san đối với các cơ quan, tổ chức ở Trung ương	- Luật Báo chí 2016 - Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT	Báo chí	Cục Báo chí
II	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH			
1	Thủ tục cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu trong lĩnh vực báo chí, xuất bản	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP. - Thông tư số 21/2020/TT-BTTTT	Báo chí, Xuất bản	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
2	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu trong lĩnh vực báo chí, xuất bản	- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP. - Thông tư số 21/2020/TT-BTTTT	Báo chí, Xuất bản	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

2. Thủ tục hành chính bị bãi bỏ

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định	Lĩnh vực	Ghi chú
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG				
1	1.008883	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu trong lĩnh vực báo chí, xuất bản	Nghị định số 146/2025/NĐ-CP	Báo chí, Xuất bản	
2	1.008884	Sửa đổi, bổ sung/cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu trong lĩnh vực báo chí, xuất bản	Nghị định số 146/2025/NĐ-CP	Báo chí, Xuất bản	
3	1.002264	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng chuyên ngành thuộc Bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội ở trung ương	Quyết định số 787/QĐ-BVHTTDL ngày 31/3/2023	Di sản văn hóa	Đã công bố TTHC nội bộ
4	1.002075	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng chuyên ngành thuộc các đơn vị trực thuộc Bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội ở trung ương	Quyết định số 787/QĐ-BVHTTDL ngày 31/3/2023	Di sản văn hóa	Đã công bố TTHC nội bộ
5	1.002344	Thủ tục đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài phục vụ hoạt động đối ngoại cấp nhà nước	Quyết định số 787/QĐ-BVHTTDL ngày 31/3/2023	Di sản văn hóa	Đã công bố TTHC nội bộ
6	1.002206	Thủ tục đưa bảo vật quốc gia thuộc bảo tàng chuyên ngành ra nước ngoài theo chương trình hợp tác quốc tế để giới thiệu, quảng bá lịch sử, văn hóa, đất nước và con người Việt Nam	Quyết định số 787/QĐ-BVHTTDL ngày 31/3/2023	Di sản văn hóa	Đã công bố TTHC nội bộ

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định	Lĩnh vực	Ghi chú
7	1.001913	Thủ tục đưa bảo vật quốc gia đang được bảo vệ và phát huy giá trị tại di tích do Bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương quản lý ra nước ngoài theo kế hoạch hợp tác quốc tế về nghiên cứu hoặc bảo quản	Quyết định số 787/QĐ-BVHTTDL ngày 31/3/2023	Di sản văn hóa	Đã công bố TTHC nội bộ
8	1.003303	Thủ tục thỏa thuận cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	Quyết định số 787/QĐ-BVHTTDL ngày 31/3/2023	Mỹ thuật	Đã công bố TTHC nội bộ

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG

1. Thủ tục cấp giấy phép xuất bản đặc san đối với cơ quan, tổ chức ở Trung ương

a) Trình tự thực hiện:

- Cơ quan, tổ chức ở Trung ương có nhu cầu xuất bản đặc san gửi trực tiếp, qua bưu chính hoặc trực tuyến 01 bộ hồ sơ đến Cục Báo chí (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Báo chí có trách nhiệm cấp giấy phép xuất bản đặc san; trường hợp từ chối cấp phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện: Gửi trực tuyến qua Cổng dịch vụ công Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Báo chí.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ khai đề nghị cấp giấy phép xuất bản đặc san (Mẫu số 11 ban hành kèm theo Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020);

(2) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu quyết định thành lập, giấy phép thành lập, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương (đối với tổ chức nước ngoài tại Việt Nam);

(3) Sơ yếu lý lịch của người chịu trách nhiệm xuất bản đặc san;

(4) Mẫu trình bày tên gọi đặc san có xác nhận của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép và bản dịch tiếng Việt được công chứng (đối với tên gọi đặc san thể hiện bằng tiếng nước ngoài).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Cơ quan, tổ chức ở Trung ương.

g) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Báo chí

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Báo chí.

h) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép xuất bản đặc san.

i) Phí, lệ phí: Không quy định.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Tờ khai đề nghị cấp giấy phép xuất bản đặc san (Mẫu số 11 ban hành kèm theo Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có người có nghiệp vụ báo chí chịu trách nhiệm về việc xuất bản đặc san;
- Tổ chức bộ máy hoạt động phù hợp bảo đảm cho việc xuất bản đặc san;
- Xác định rõ tên đặc san, mục đích xuất bản, nội dung thông tin, đối tượng phục vụ, phạm vi phát hành, ngôn ngữ thể hiện, khuôn khổ, số trang, số lượng, nơi in, thời gian xuất bản;
- Có địa điểm làm việc chính thức của cơ quan, tổ chức xin cấp giấy phép.

m) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;
- Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản tin, xuất bản đặc san.

CƠ QUAN, TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XUẤT BẢN ĐẶC SAN

1. Tên cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép xuất bản đặc san:

- Địa chỉ:
- Điện thoại:.....Fax:.....
- Quyết định/Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Các giấy tờ khác.....Cấp ngày:
- Địa chỉ thư điện tử:.....

2. Người chịu trách nhiệm xuất bản đặc san:

- Họ và tên:.....Sinh ngày:.....Quốc tịch:
- Chức danh:
- Số CMND/Căn cước công dân (hoặc Hộ chiếu) số:.....Nơi cấp:
- Địa chỉ liên lạc:
- Trình độ chuyên môn:

3. Tên gọi của đặc san:

4. Mục đích xuất bản:

5. Nội dung thông tin:

6. Đối tượng phục vụ:

7. Phạm vi phát hành:

8. Thể thức xuất bản:

- Ngôn ngữ thể hiện:
- Khuôn khổ:
- Số trang:
- Số lượng:
- Thời gian xuất bản:.....

9. Địa điểm xuất bản đặc san:.....

Cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép xuất bản đặc san cam kết những điều trên đây và các tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép là đúng quy định pháp luật./.

..., ngày... tháng... năm 20...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC**

(Ký tên và đóng dấu hoặc ký số
của cơ quan, tổ chức)

2. Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung trong giấy phép xuất bản đặc san đối với các cơ quan, tổ chức ở Trung ương

a) Trình tự thực hiện:

- Cơ quan, tổ chức ở Trung ương có nhu cầu thay đổi một trong các nội dung ghi trong giấy phép xuất bản đặc san lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cho phép thay đổi gửi đến Cục Báo chí (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Báo chí có trách nhiệm xem xét giải quyết việc chấp thuận bằng văn bản; trường hợp không chấp thuận phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện: Gửi trực tuyến qua Cổng dịch vụ công Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Báo chí.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị thay đổi của cơ quan, tổ chức;

(2) Sơ yếu lý lịch của người chịu trách nhiệm xuất bản đặc san (đối với trường hợp thay đổi người chịu trách nhiệm xuất bản đặc san);

(3) Mẫu trình bày tên gọi đặc san có xác nhận của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép và bản dịch tiếng Việt được công chứng (đối với trường hợp thay đổi tên gọi đặc san thể hiện bằng tiếng nước ngoài).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Cơ quan, tổ chức ở Trung ương.

g) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Báo chí

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Báo chí.

h) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong Giấy phép xuất bản đặc san.

i) Phí, lệ phí: Không quy định.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

m) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;

- Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản tin, xuất bản đặc san.

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Thủ tục cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu trong lĩnh vực bảo chí, xuất bản

a) *Trình tự thực hiện*

- Thương nhân lập hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu trong các lĩnh vực bảo chí, xuất bản gửi đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên ngành được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền (gọi chung là cơ quan có thẩm quyền).

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền gửi thông báo đề thương nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Thời hạn cấp CFS không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày thương nhân nộp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. Trường hợp không cấp CFS, cơ quan có thẩm quyền gửi văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- Cơ quan có thẩm quyền có thể tiến hành kiểm tra tại nơi sản xuất trường hợp nhận thấy việc kiểm tra trên hồ sơ là chưa đủ căn cứ để cấp CFS hoặc phát hiện có dấu hiệu vi phạm quy định đối với CFS đã cấp trước đó.

- Số lượng CFS được cấp cho hàng hóa theo yêu cầu của thương nhân.

b) *Cách thức thực hiện:* Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

c) *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu theo Phụ lục I Thông tư số 21/2020/TT-BTTTT).

(2) Bản sao giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

(3) Danh mục các cơ sở sản xuất (nếu có), bao gồm tên, địa chỉ của cơ sở, các mặt hàng sản xuất để xuất khẩu.

(4) Bản sao bản tiêu chuẩn công bố áp dụng đối với sản phẩm, hàng hóa kèm theo cách thể hiện (trên nhãn hàng hóa hoặc trên bao bì hàng hóa hoặc tài liệu kèm theo sản phẩm, hàng hóa).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) *Thời hạn giải quyết:* 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ.

đ) *Đối tượng thực hiện:* Thương nhân

e) *Cơ quan thực hiện TTHC:* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên ngành được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền.

g) *Mẫu đơn, tờ khai:* Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu theo Phụ lục I Thông tư số 21/2020/TT-BTTTT ngày 07/9/2020.

h) Kết quả thực hiện: Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) theo mẫu tại Phụ lục III Thông tư số 21/2020/TT-BTTTT ngày 07/9/2020.

i) Phí, lệ phí: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện: Hàng hóa có tiêu chuẩn công bố áp dụng phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

l) Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

- Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.

- Thông tư số 21/2020/TT-BTTTT ngày 07/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với hàng hóa trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH TỰ DO

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ.....

..... PROVINCIAL PEOPLE'S COMMITTEE

Địa chỉ:

Address:

Website:

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH TỰ DO **APPLICATION FOR CERTIFICATE OF FREE SALE (CFS)**

Phần 1 Thông tin thương nhân

Section 1 Firm/company/manufacture's Information

Tên thương nhân <i>Name of the firm/company/manufacture</i>	Mã số thương nhân <i>Firm/company/manufacture code</i>
Địa chỉ <i>Street Address</i>	Điện thoại/fax <i>Contact Number</i> ()
	Thư điện tử (bắt buộc) <i>Email address (required)</i>

Phần 2 Thông tin hàng hóa xuất khẩu đề nghị cấp CFS

Section 2 Product Information

STT N ^o	Tên, mô tả hàng hóa (Name, description of products)	Số chứng nhận tiêu chuẩn sản phẩm hoặc Số đăng ký (Product standard certificate number or registration number)	Số hiệu tiêu chuẩn (Standard number)	Thành phần, hàm lượng, hoạt chất (Ingredients , active ingredient content)	Số giấy tiếp nhận công bố hợp quy (conformity number)	Mã số HS hàng hóa (HS code)
1						
2						
3						

Phần 3 Cam kết của thương nhân

Section 3 Firm/company/manufacture's declaration

Tôi xin cam kết những sản phẩm này tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn, chất lượng của Việt Nam.

I declare that the kinds of products in this application comply with the standards and quality of Vietnam.

Tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các thông tin nêu trên.

I further declare that all information contained in this application form is true and correct as at the date of signing.

Ngày, tháng năm 20.....
[Date], [Month], 20.....

Chữ ký của người được
đại diện theo pháp luật

*Signature of legal
representative*

Họ và tên

Full name

Chức danh, vị trí việc làm

Your Position/title/office

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH TỰ DO

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ.....
..... PROVINCIAL PEOPLE'S COMMITTEE

GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH TỰ DO
CERTIFICATE OF FREE SALE

Giấy chứng nhận lưu hành tự do số:
Certificate N°:

Ngày cấp:
Date Issued:

Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố..... xác nhận hàng hóa được xuất khẩu bởi **[Thương nhân]**, **[địa chỉ cơ sở sản xuất]** phù hợp với các quy định về tiêu chuẩn, chất lượng và được phép lưu hành tại Việt Nam.

..... *Provincial people's Committee certifies that the following products exported by [Firm/company/manufacturer], [Address] in accordance with the Vietnamese regulations on standards, quality and are allowed to be freely sold in Vietnam.*

Thương nhân:
Firm/company/manufacturer:

Địa chỉ:
Address:

Danh mục hàng hóa:
Products listing:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ.....
..... PROVINCIAL PEOPLE'S COMMITTEE

Chữ ký và đóng dấu
Signature and stamp

2. Thủ tục cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu trong lĩnh vực báo chí, xuất bản

a) Trình tự thực hiện

- Trường hợp CFS có sai sót/mất, thất lạc hoặc bị hỏng, thương nhân lập hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung/cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu trong các lĩnh vực báo chí, xuất bản gửi đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên ngành được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền (gọi chung là cơ quan có thẩm quyền).

- Thời hạn thực hiện sửa đổi, bổ sung/cấp lại CFS không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày thương nhân gửi hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung/cấp lại CFS đối với hàng hóa trong lĩnh vực báo chí, xuất bản đầy đủ, đúng quy định.

- Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung/cấp lại CFS, cơ quan có thẩm quyền gửi văn bản trả lời nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện: Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (Phụ lục II, ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BTTTT ngày 07/9/2020)

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ.

đ) Đối tượng thực hiện: Thương nhân

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên ngành được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền.

g) Mẫu đơn, tờ khai: Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (Phụ lục II, ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BTTTT ngày 07/9/2020).

h) Kết quả thực hiện: Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) theo mẫu tại Phụ lục III Thông tư số 21/2020/TT-BTTTT ngày 07/9/2020.

i) Phí, lệ phí: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

- Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.

- Thông tư số 21/2020/TT-BTTTT ngày 07/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với hàng hóa trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH TỰ DO

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ.....

..... PROVINCIAL PEOPLE'S COMMITTEE

Địa chỉ:

Address:

Website:

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG / CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH TỰ DO**

REQUEST TO REISSUE CERTIFICATE OF FREE SALE (CFS)

Phần 1 Thông tin thương nhân

Section 1 Firm/company/manufacture's Information

Tên thương nhân <i>Name of the firm/company/manufacture</i>	Mã số thương nhân <i>Firm/company/manufacture code</i>
Địa chỉ <i>Street Address</i>	Điện thoại/fax <i>Contact Number</i> ()
	Thư điện tử (bắt buộc) <i>Email address (required)</i>

Để đáp ứng yêu cầu của nước nhập khẩu, [Tên thương nhân] đề nghị sửa đổi, bổ sung / cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với các hàng hóa như sau:

To meet the requirements of the importing country, [firm/company/manufacture] requests to reissue CFS for the following products:

Phần 2 Thông tin hàng hóa xuất khẩu đề nghị sửa đổi, bổ sung / cấp lại CFS

Section 2 Product Information

STT Nº	Tên, mô tả hàng hóa (Name, description of products)	Mã số HS hàng hóa (HS code)	Số và ngày cấp của CFS gốc (CFS number and date issued)
-----------	--	-----------------------------	--

1			
2			
3			

Lý do: (Đánh dấu × vào ô tương ứng)

Reason: (Mark × in the corresponding box)

☐ Mất, thất lạc (*lost*) ☐ Hỏng (*damaged*) ☐ Có sai sót (*errors*)

Phần 3 Cam kết của thương nhân

Section 3 *Firm/company/manufacturer's declaration*

Tôi xin cam kết những sản phẩm này tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn, chất lượng của Việt Nam.

I declare that the kinds of products in this application comply with the standards and quality of Vietnam.

Tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các thông tin nêu trên.

I further declare that all information contained in this application form is true and correct as at the date of signing.

Ngày, tháng năm 20.....
[Date], [Month], 20.....

Chữ ký của người đại
diện theo pháp luật

*Signature of legal
representative*

Họ và tên

Full name

Chức danh, vị trí việc làm

Your Position/title/office